



**Ban kiểm soát**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2024

**BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA – DƯỢC PHẨM MEKOPHAR**  
**TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar.

Sau khi đã tiến hành kiểm tra, kiểm soát các mặt hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar nhất trí thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên với các nội dung cụ thể như sau:

**I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

**1. Nhân sự BKS**

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2024 có 03 thành viên, gồm:

- Ông Nguyễn Việt Luận : Trưởng ban, từ ngày 24/04/2020.
- Ông Trần Trung Ngôn: Thành viên, từ ngày 24/04/2020.
- Ông Nguyễn Bá Khoa: Thành viên, từ ngày 24/04/2020.

**2. Hoạt động của BKS**

Trong năm, ngoài các hoạt động thường xuyên và các cuộc họp thường kỳ, BKS tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tham gia đóng góp ý kiến trong việc thực hiện mục tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể:

- Giám sát việc tuân thủ Pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Kiểm soát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023, và các nghị quyết của Hội đồng quản trị (HĐQT).
- Kiểm tra Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng, Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023.
- Tham dự các cuộc họp của HĐQT.
- Giám sát tình hình đầu tư, mua sắm tài sản.

- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc.

### 3. Thù lao BKS

Tổng mức thù lao BKS trong năm 2023 là 192 triệu đồng.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2023

### 1. Kế hoạch kinh doanh năm 2023

Công ty chưa hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2023 mà Đại hội đồng cổ đông đã giao, cụ thể:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023 thực hiện được 904,7 tỷ đồng, đạt 82,25% so với kế hoạch năm 2023, và đạt 75,89% so với thực hiện năm 2022.
- Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 43,31 tỷ đồng, tương ứng đạt 86,63% so với kế hoạch năm 2023, và đạt 66,86% so với thực hiện năm 2022.

*Bảng 01: Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2023*

*Đơn vị tính: ngàn đồng*

CHỈ TIÊU	2022	Năm 2023		So sánh TH 2023 với:	
		KH 2023	TH 2023	2022	KH 2023
<b>1. Doanh thu BH và CCDV</b>	<b>1.192.145.683</b>	<b>1.100.000.000</b>	<b>904.746.572</b>	<b>75,89%</b>	<b>82,25%</b>
2. Giá vốn hàng bán	843.394.340		637.368.901		
3. Lợi nhuận gộp BH và CCDV	348.751.343		267.377.671		
4. Doanh thu hoạt động tài chính	17.498.739		24.884.011		
5. Chi phí tài chính	17.893.214		4.868.390		
- Trong đó: Chi phí lãi vay	3.698.359		500.875		
6. Lãi lỗ trong Cty liên doanh, LK	-		-		
7. Chi phí bán hàng	151.444.200		108.591.718		
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	130.173.735		151.740.436		
<b>9. Lợi nhuận thuần từ HĐKD</b>	<b>66.738.933</b>		<b>27.061.138</b>		
10. Thu nhập khác	488.373		18.797.226		
11. Chi phí khác	2.439.962		2.544.033		
12. Lợi nhuận khác	(1.951.589)		16.253.194		
<b>13. Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>64.787.344</b>	<b>50.000.000</b>	<b>43.314.332</b>	<b>66,86%</b>	<b>86,63%</b>

*Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2023*

### 2. Chọn Công ty kiểm toán

Căn cứ ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông tại Nghị quyết ngày 27/04/2023, Hội đồng quản trị đã chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam làm đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm 2023 cho Công ty.

### 3. Chi trả cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27/04/2023 đã thông qua mức chi trả cổ tức cho năm tài chính 2022 là 10% (Mười phần trăm) bằng tiền mặt. Theo đó, Hội đồng quản trị đã thông báo chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức vào ngày 31/05/2023, và thời gian thực hiện chi trả vào ngày 09/06/2023.



**III. KẾT QUẢ THẨM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH 31/12/2023**

Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã thực hiện đúng theo hướng dẫn về chế độ kế toán, phù hợp với các quy định hiện hành, đồng thời phản ánh trung thực, hợp lý các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023.

**1. Tình hình tài sản***Bảng 02: Tình hình tài sản 31/12/2023**Đơn vị tính: ngàn đồng*

CHỈ TIÊU	31-12-2022		31-12-2023		Tăng giảm
	Giá trị	%	Giá trị	%	
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>1.620.433.955</b>	<b>100,00%</b>	<b>1.548.934.214</b>	<b>100,00%</b>	<b>-71.499.741</b>
<b>I. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>879.002.636</b>	<b>54,24%</b>	<b>833.961.238</b>	<b>53,84%</b>	<b>-45.041.398</b>
1. Tiền	62.011.607	3,83%	130.060.029	8,40%	68.048.422
2. Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	70.946.711	4,38%	55.946.711	3,61%	-15.000.000
- Chứng khoán kinh doanh	10.946.711	0,68%	10.946.711	0,71%	0
- Dự phòng đầu tư chứng khoán	0	0,00%	0	0,00%	0
- Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn	60.000.000	3,70%	45.000.000	2,91%	-15.000.000
3. Các khoản phải thu	90.638.130	5,59%	62.910.095	4,06%	-27.728.035
- Phải thu khách hàng	112.705.286	6,96%	62.411.917	4,03%	-50.293.369
- Trả trước cho người bán	11.253.787	0,69%	2.801.525	0,18%	-8.452.262
- Các khoản phải thu khác	1.239.812	0,08%	1.592.172	0,10%	352.360
- Dự phòng phải thu khó đòi	-34.560.756		-3.895.519	-0,25%	30.665.237
4. Hàng tồn kho	638.455.198	39,40%	574.290.410	37,08%	-64.164.788
5. Tài sản ngắn hạn khác	16.950.990	1,05%	10.753.993	0,69%	-6.196.997
- Chi phí trả trước ngắn hạn	2.858.110	0,18%	2.906.161	0,19%	48.051
- Thuế GTGT được khấu trừ	13.429.530	0,83%	7.847.832	0,51%	-5.581.698
- Thuế & các khoản phải thu NN	663.349	0,04%	0	0,00%	-663.349
- Tài sản ngắn hạn khác	0	0,00%	0	0,00%	0
<b>II. Tài sản dài hạn</b>	<b>741.431.319</b>	<b>45,76%</b>	<b>714.972.976</b>	<b>46,16%</b>	<b>-26.458.343</b>
1. Các khoản phải thu DH		0,00%		0,00%	0
2. Tài sản cố định	713.615.639	44,04%	682.468.507	44,06%	-31.147.131
- TSCĐ hữu hình	705.152.928	43,52%	674.707.727	43,56%	-30.445.201
- TSCĐ thuê tài chính	0	0,00%	0	0,00%	0
- TSCĐ vô hình	8.462.711	0,52%	7.760.780	0,50%	-701.931
3. Bất động sản đầu tư				0,00%	0
4. Tài sản dở dang dài hạn	27.258	0,00%	0	0,00%	-27.258
5. Đầu tư tài chính dài hạn	24.068.960	1,49%	24.068.960	1,55%	0
- Đầu tư vào công ty con	0	0,00%	0	0,00%	0
- Đầu tư vào công ty LD, liên kết	0	0,00%	0	0,00%	0
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	24.068.960	1,49%	24.068.960	1,55%	0
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	0	0,00%	0	0,00%	0
6. Tài sản dài hạn khác	3.719.462	0,23%	8.435.509	0,54%	4.716.047
- Chi phí trả trước dài hạn	3.719.462	0,23%	8.435.509	0,54%	4.716.047

*Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2023*



Tổng tài sản cuối năm 2023 giảm 71,5 tỷ đồng, trong đó:

- Tài sản ngắn hạn giảm 45 tỷ đồng. Trong đó, Tiền mặt và Tiền gửi tăng 53 tỷ đồng, Các khoản phải thu giảm 27,7 tỷ đồng, Hàng tồn kho giảm 64 tỷ đồng.
- Tài sản dài hạn giảm 26,5 tỷ đồng. Chủ yếu là do mua sắm Tài sản cố định 17,3 tỷ đồng và trích khấu hao Tài sản cố định trong năm là 47,8 tỷ đồng.

## 2. Tình hình nguồn vốn

Bảng 03: Tình hình nguồn vốn 31/12/2023

Đơn vị tính: ngàn đồng

CHỈ TIÊU	31-12-2022		31-12-2023		Tăng giảm
	Giá trị	%	Giá trị	%	
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>1.620.433.955</b>	<b>100,00%</b>	<b>1.548.934.214</b>	<b>100,00%</b>	<b>-71.499.741</b>
<b>I. Nợ phải trả</b>	<b>352.785.575</b>	<b>21,77%</b>	<b>288.040.366</b>	<b>18,60%</b>	<b>-64.745.209</b>
1. Nợ ngắn hạn	199.825.109	12,33%	122.557.324	7,91%	-77.267.785
- Vay và nợ ngắn hạn	0		0	0,00%	0
- Phải trả người bán	77.587.525	4,79%	27.090.995	1,75%	-50.496.530
- Người mua trả trước	34.278.047	2,12%	41.086.247	2,65%	6.808.200
- Thuế và các khoản phải nộp NN	18.014.727	1,11%	7.359.266	0,48%	-10.655.461
- Phải trả Người lao động	19.501.265	1,20%	18.161.281	1,17%	-1.339.984
- Chi phí phải trả ngắn hạn	5.463.679		6.483.106	0,42%	1.019.427
- Phải trả nội bộ ngắn hạn	0		0	0,00%	0
- Phải trả theo tiến độ KHHĐXD	0		0	0,00%	0
- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	0	0,00%	0	0,00%	0
- Phải trả ngắn hạn khác	28.923.161	1,78%	11.200.627	0,72%	-17.722.534
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	8.010.240		0	0,00%	-8.010.240
- Dự phòng phải trả ngắn hạn	0		0	0,00%	0
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.046.466	0,50%	11.175.802	0,72%	3.129.336
2. Nợ dài hạn	152.960.466	9,44%	165.483.042	10,68%	12.522.576
- Phải trả người bán dài hạn	0		0	0,00%	0
- Người mua trả tiền trước dài hạn	0		0	0,00%	0
- Chi phí phải trả dài hạn	0		0	0,00%	0
- Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	0		0	0,00%	0
- Phải trả nội bộ dài hạn	0		0	0,00%	0
- Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	152.960.466	9,44%	165.483.042	10,68%	12.522.576
- Dự phòng phải trả dài hạn	0	0,00%	0	0,00%	0
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	0	0,00%	0	0,00%	0
<b>II. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.267.648.380</b>	<b>78,23%</b>	<b>1.260.893.848</b>	<b>81,40%</b>	<b>-6.754.532</b>
1. Vốn chủ sở hữu	1.267.648.380	78,23%	1.260.893.848	81,40%	-6.754.532
- Vốn góp của chủ sở hữu	255.458.670	15,76%	255.458.670	16,49%	0
- Thặng dư vốn cổ phần	409.789.114	25,29%	409.789.114	26,46%	0
- Cổ phiếu quỹ	-14.487.151	-0,89%	-14.487.151	-0,94%	0
- Quỹ đầu tư phát triển	574.559.028	35,46%	576.623.174	37,23%	2.064.146
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0	0,00%	0	0,00%	0
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	42.328.719	2,61%	33.510.041	2,16%	-8.818.678
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	0	0,00%	0	0,00%	0
- Nguồn kinh phí	0	0,00%	0	0,00%	0

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2023



So với cùng kỳ năm 2022, tổng nguồn vốn cuối năm 2023 cũng giảm tương ứng 71,5 tỷ đồng, trong đó:

- Nợ phải trả giảm 64,7 tỷ đồng. Trong đó, Nợ ngắn hạn giảm 77,2 tỷ đồng, Nợ dài hạn tăng 12,5 tỷ đồng. Chủ yếu là giảm các khoản Phải trả người bán, Phải trả ngắn hạn khác, Nợ thuê tài chính ngắn hạn, và tăng doanh thu chưa thực hiện dài hạn hoạt động Ngân hàng Tề bào gốc 12,5 tỷ đồng.
- Nguồn vốn chủ sở hữu giảm 6,75 tỷ đồng, do giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

### 3. Tình hình đầu tư tại doanh nghiệp

#### 3.1. Đầu tư tài sản cố định:

Nguyên giá tài sản cố định năm 2023 được ghi nhận tăng thêm 17,3 tỷ đồng, trong đó:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 160 triệu đồng, gồm 02 Buồng làm việc phòng sạch.
- Máy móc thiết bị: 13,3 tỷ đồng. Bao gồm: Máy dập viên tốc độ cao, Máy đóng vỉ thuốc tự động, Máy đóng gói, Máy ly tâm Roto, Sắc ký lỏng hiệu năng cao, ...
- Thiết bị dụng cụ quản lý: 3,9 tỷ đồng. Bao gồm: Hệ thống Chiller giải nhiệt gió, Hệ thống lạnh giải nhiệt gió, Thiết bị chuyên mẫu Nitơ lỏng, Tủ ghi nhiệt độ tủ hấp, ...

Bảng 04: Tình hình tài sản cố định 31/12/2023

Đơn vị tính: ngàn đồng

Tình hình tăng giảm tài sản cố định	Giá trị 31/12/2022	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị 31/12/2023
<b>Tài sản cố định</b>	<b>713.615.639</b>	<b>-31.147.132</b>	<b>0</b>	<b>682.468.507</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	705.152.928	-30.445.201	0	674.707.727
+ Nguyên giá	1.029.444.418	17.349.448	950.300	1.045.843.566
+ Hao mòn TSCĐ hữu hình	-324.291.490	-47.794.649	-950.300	-371.135.839
2. Tài sản cố định vô hình	8.462.711	-701.931	0	7.760.780
+ Nguyên giá	13.507.253		0	13.507.253
+ Hao mòn TSCĐ hữu hình	-5.044.542	-701.931	0	-5.746.473

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2023

#### 3.2. Đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp (Công ty mẹ):

Bảng 05: Tình hình đầu tư ra ngoài 31/12/2023

Đơn vị tính: ngàn đồng

Tình hình tăng giảm các khoản đầu tư tài chính	Giá trị 31/12/2022	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị 31/12/2023
<b>Đầu tư</b>	<b>809.773.036</b>	<b>-47.184.214</b>	<b>15.000.000</b>	<b>747.588.822</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	70.946.711	0	15.000.000	55.946.711
a. Chứng khoán kinh doanh	10.946.711	0	0	10.946.711
- CTCP DPTU Vidipha	4.070.000	0	0	4.070.000
- CTCP Bao bì Dược	6.635.250	0	0	6.635.250
- CTCP Dược phẩm OPC	241.461	0	0	241.461
b. Tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng	60.000.000	0	15.000.000	45.000.000
- Tiền gửi Ngân hàng	60.000.000		15.000.000	45.000.000
2. Đầu tư dài hạn	738.826.325	-47.184.214	0	691.642.111



Tình hình tăng giảm các khoản đầu tư tài chính	Giá trị 31/12/2022	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị 31/12/2023
a. Đầu tư vào Công ty con	900.000.000	0	0	900.000.000
- Mekophar BP	900.000.000	0	0	900.000.000
b. Đầu tư liên doanh, liên kết	0	0	0	0
c. Đầu tư vào đơn vị khác	24.068.960	0	-	24.068.960
- Bệnh viện An Sinh	18.518.960	0	0	18.518.960
- Công ty TNHH Orchids	5.550.000	0	0	5.550.000
d. Dự phòng đầu tư dài hạn	-185.242.635	-47.184.214	0	-232.426.849

Nguồn: Báo cáo kiểm toán công ty mẹ và hợp nhất 2023

Trong năm 2023, số dư Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng giảm 15 tỷ đồng nên Lãi tiền gửi thu được tiếp tục giảm, đạt 4,62 tỷ đồng so với mức 7,66 tỷ đồng của năm 2022. Cổ tức, lợi nhuận được chia từ chứng khoán kinh doanh là 913 triệu đồng. Lãi được chia từ khoản đầu tư vào Công ty TNHH Bệnh Viện Đa Khoa An Sinh năm 2023 là 18,6 tỷ đồng.

Năm 2023, Doanh thu Công ty Mekophar BP (Công ty con MKP sở hữu 100% vốn) chỉ đạt khiêm tốn 12,9 tỷ đồng, giảm 42% so với doanh thu năm 2022. Mekophar BP tiếp tục lỗ 47,2 tỷ đồng trong năm 2023, lũy kế dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con mà Công ty mẹ Mekophar đã trích lập đến 31/12/2023 đạt 232,4 tỷ đồng.

#### 4. Tình hình doanh thu, chi phí

##### 4.1. Doanh thu:

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023 giảm mạnh 287,4 tỷ đồng, tương đương tỷ lệ giảm là 24,11% so với năm 2022. Trong đó:

- Doanh thu Thành phẩm đạt 827,2 tỷ đồng, giảm 205,5 tỷ đồng, mức giảm 19,90%.
- Doanh thu Bán hàng hóa hầu như bằng không, giảm 83,8 tỷ đồng, mức giảm 99,97%.
- Doanh thu Dịch vụ NH tế bào gốc đạt 64,9 tỷ đồng, tăng 5,4 tỷ đồng, mức tăng 9,16%
- Doanh thu cho thuê mặt bằng giảm 2,9 tỷ đồng, mức giảm 22,87%.

Bảng 06: Cơ cấu doanh thu năm 2023

Đơn vị tính: ngàn đồng

Doanh thu	2022	Tỷ trọng	2023	Tỷ trọng	2023/2022
<b>DTBH và CCDV</b>	<b>1.192.145.683</b>	<b>98,51%</b>	<b>904.746.572</b>	<b>95,39%</b>	<b>75,89%</b>
Thành phẩm	1.032.746.514	85,34%	827.229.622	87,22%	80,10%
Bán hàng hóa	83.803.641	6,93%	27.815	0,00%	0,03%
Dịch vụ NH tế bào gốc	59.432.121	4,91%	64.878.726	6,84%	109,16%
Bán vật tư	3.375.407	0,28%	2.746.409	0,29%	81,37%
Cho thuê mặt bằng	12.788.000	1,06%	9.864.000	1,04%	77,13%
<b>DT Tài chính</b>	<b>17.498.739</b>	<b>1,45%</b>	<b>24.884.011</b>	<b>2,62%</b>	<b>142,20%</b>
Thu nhập khác	488.373	0,04%	18.797.226	1,98%	3848,95%
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.210.132.795</b>	<b>100,00%</b>	<b>948.427.809</b>	<b>100,00%</b>	<b>78,37%</b>



Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2023

## 4.2. Chi phí:

Tỷ trọng Tổng các khoản mục chi phí trên Doanh thu thuần năm 2023 đạt mức 99,76%, tăng 3,89% so với năm 2022. Trong đó:

- Giá vốn hàng bán trên Doanh thu thuần năm 2023 đạt tỷ lệ 70,45%, giảm nhẹ 0,3% so với mức 70,75% của năm 2022. Năm 2023, Công ty hầu như ngưng hoàn toàn mảng hoạt động Bán hàng hóa với Doanh thu chỉ đạt 27,8 triệu đồng. Hai mảng hoạt động là Thành phẩm và Dịch vụ Ngân hàng tế bào gốc chiếm tỷ trọng cao trên Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (tương ứng 91,43% và 7,17%), có tỷ lệ lợi nhuận biên cao góp phần duy trì tỷ lệ Giá vốn hàng bán trên Doanh thu thuần ở mức thấp.
- Chi phí bán hàng năm 2023 là 108,6 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 12,00% trên Doanh thu thuần, giảm nhẹ 0,7% so với mức 12,70% của năm 2022. Do Doanh thu Thành phẩm giảm nên chi phí hoa hồng bán hàng, chi phí dịch vụ mua ngoài, và chi phí vận chuyển để hỗ trợ công tác bán hàng cũng giảm tương ứng.
- Chi phí quản lý DN năm 2023 là 151,7 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 16,77% trên Doanh thu thuần, tăng 5,85% so với mức 10,92% của năm 2022. Chủ yếu do tăng các khoản thuế, phí, lệ phí và chi phí bằng tiền khác.
- Chi phí tài chính năm 2023 là 4,87 tỷ đồng, tỷ lệ trên Doanh thu thuần là 0,54%, giảm 0,96% so với mức 1,50% của năm 2022.

Bảng 07: Tỷ trọng các loại chi phí trên Doanh thu thuần năm 2023

Đơn vị tính: %

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2023-2022
Giá vốn hàng bán	81,44%	70,75%	70,45%	-0,30%
Chi phí bán hàng	6,87%	12,70%	12,00%	-0,70%
Chi phí quản lý DN	11,24%	10,92%	16,77%	+5,85%
Chi phí tài chính	0,26%	1,50%	0,54%	-0,96%
<b>Tổng cộng</b>	<b>99,80%</b>	<b>95,87%</b>	<b>99,76%</b>	<b>3,89%</b>

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2023

## 5. Các chỉ tiêu tài chính

Năm 2023, mặc dù tỷ lệ Giá vốn hàng bán trên Doanh thu thuần duy trì ở mức thấp góp phần làm tỷ lệ lợi nhuận gộp duy trì ở mức cao, đạt 29,55%, tăng nhẹ so với mức 29,25% của năm 2022, nhưng Tỷ trọng Tổng các khoản mục chi phí trên Doanh thu thuần năm 2023 chiếm tới 99,76% đã làm ảnh hưởng đến các chỉ số về khả năng sinh lời, cụ thể:

- Khả năng thanh toán của doanh nghiệp (ngắn hạn và nhanh) khá tốt (>1).
- Cơ cấu vốn khá an toàn với Hệ số nợ/ Tổng tài sản duy trì ở mức thấp.
- Các chỉ số về năng lực hoạt động: ngoại trừ chỉ tiêu hoạt động liên quan đến các khoản phải thu có sự cải thiện so với năm 2022, thì các chỉ tiêu hoạt động còn lại liên quan đến hàng tồn kho, các khoản phải trả, tài sản năm 2023 đều kém hơn so với



năm 2022.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2023 chỉ đạt 25,1 tỷ đồng giảm 39,76% so với mức 41,7 tỷ đồng của năm 2022 nên các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2023 đều giảm so với năm 2022.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 chỉ đạt 994 đồng, giảm 656 đồng so với mức 1.650 đồng của năm 2022.

Bảng 08: Các chỉ tiêu tài chính 31/12/2023

Chỉ tiêu	2022	2023	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	4,40	6,80	lần
- Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,20	2,12	lần
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản:	0,22	0,19	lần
- Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản:	0,78	0,81	lần
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay tổng tài sản	0,74	0,58	vòng
- Vòng quay tài sản cố định	1,67	1,33	vòng
- Vòng quay vốn lưu động	1,36	1,08	vòng
- Vòng quay các khoản phải thu	13,15	14,38	vòng
- Số ngày phải thu bình quân	27,75	25,38	ngày
- Vòng quay các khoản phải trả	5,97	7,38	vòng
- Số ngày phải trả bình quân	61,18	49,44	ngày
- Vòng quay hàng tồn kho: GVHB/Hàng tồn kho bình quân	1,71	1,05	vòng
- Số ngày tồn kho bình quân	213,97	347,25	ngày
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi</b>			
- Hệ số LNST/Doanh thu thuần	3,50	2,78	%
- Hệ số LNST/Tổng tài sản	2,57	1,62	%
- Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	3,29	1,99	%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	5,60	2,99	%
<b>5. Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần (MG: 10.000đ/CP)</b>			
- Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	1.650	994	đồng
- Giá trị sổ sách một cổ phần	49.833	49.593	đồng

(\*): Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu năm 2023 nêu trên chưa được tính trừ phần Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích trong năm.

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2023

#### IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

##### 1. Kết quả giám sát đối với HĐQT

Hội đồng quản trị chỉ đạo tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông một cách quyết liệt, tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tổ chức đúng quy định. Trong năm 2023, Hội



đồng quản trị đã tổ chức 04 phiên họp, các Nghị quyết, Quyết định được thông qua với sự thống nhất cao của các thành viên, và được ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật và Công ty.

## 2. Kết quả giám sát đối với Ban TGD

Với tình hình vĩ mô trong nước và quốc tế còn nhiều khó khăn, Ban Tổng Giám đốc đã luôn chủ động, linh hoạt trong công tác quản lý, điều hành, đã tập trung tổ chức triển khai nhiệm vụ, kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 theo đúng tinh thần của Nghị quyết ĐHĐCD và Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

Pháp luật, Điều lệ, các Quy chế quản trị trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được Ban Tổng Giám đốc nghiêm túc tuân thủ.

## V. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

Ban kiểm soát được Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng ban, bộ phận chức năng của Công ty phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như trong việc thu thập thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

Trong kỳ Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn thư yêu cầu hay khiếu nại nào từ cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Công tác công bố thông tin của Công ty được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách kịp thời, đầy đủ theo đúng quy định.

## VI. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

Năm 2023, Công ty không hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông giao. Cụ thể, doanh thu đạt 82,25% và lợi nhuận trước thuế đạt 86,63% so với kế hoạch năm 2023.

Qua xem xét, đánh giá, và giám sát tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính 2023, Ban kiểm soát xin có một số nội dung kiến nghị và lưu ý như sau:

- Ban kiểm soát nhận thấy Giá trị hàng tồn kho thời điểm 31/12/2023 có giảm so với cùng kỳ năm 2022 nhưng vẫn còn chiếm tỷ trọng khá lớn trên Tổng Tài sản (tỷ lệ 37,08%, giá trị tương ứng là 574 tỷ đồng). Trong đó, tồn kho nguyên liệu Molnu để sản xuất thuốc Movinavir dùng để điều trị Covid-19 là 252,7 tỷ đồng, và tồn kho thành phẩm Movinavir là 30,5 tỷ đồng, tổng giá trị khoảng 283 tỷ đồng. Hiện nay, tình hình Covid-19 ở Việt Nam và quốc tế không còn quá phức tạp nên nhu cầu về thuốc điều trị Covid sẽ giảm đáng kể. Trong trường hợp không giải phóng được hàng thì khả năng Công ty phải trích lập dự phòng cho lượng hàng tồn kho này trong những năm sắp tới là khá cao.
- Mekophar BP tiếp tục lỗ năm thứ 7 liên tiếp với giá trị lỗ lũy kế đến 31/12/2023 đạt mức 232,4 tỷ đồng. Ban kiểm soát nhận thấy MKP-BP chắc chắn không có dấu hiệu ngừng lỗ nếu chỉ trông chờ vào kế hoạch đặt hàng của Đối tác chiến lược Nipro. Chúng tôi đề nghị Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc phải nhanh chóng có những giải pháp thật sự tích cực, thật sự đột phá để cải thiện tình hình tại MKP-BP.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát cho năm tài chính 2023, kính trình



Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Ban kiểm soát rất mong nhận được những góp ý chân thành của quý vị Cổ đông để giúp Ban kiểm soát thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

Ban Kiểm soát xin kính chúc quý vị Cổ đông, quý Đại biểu, Ban Điều hành và toàn thể CBCNV Công ty nhiều sức khỏe, thành công.

Trân trọng,

**BAN KIỂM SOÁT**



**Nguyễn Việt Luận**



**Trần Trung Ngôn**



**Nguyễn Bá Khoa**

